

DANH SÁCH ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học Kỳ 2 - Năm Học 25-26

Môn học/Nhóm
CBGD

Bóng chuyền - 01
Lương Anh Kiệt

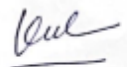
Số tín chỉ: 02

ST T	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1(x1)	BP. 2(x1)	BP. 3(x2)	BP. 4	ĐQT	Ghi chú
1	2125170001	Vương Sỹ An	26/10/2006	CCQ2517A	4	6.5	7.5		6.4	
2	2125170034	Tăng Văn Ban	13/04/2007	CCQ2517A	7	7	7		7	
3	2125170033	Nguyễn Quốc Bảo	21/02/2007	CCQ2517A	7	6	6.5		6.5	
4	2125170018	Nguyễn Dương Công Chiến	22/11/2007	CCQ2517A	8	6	8		7.5	
5	2125170038	Phùng Ngọc Chung	05/09/2007	CCQ2517A	10	7.5	7.5		8.1	
6	2125170061	Hồ Xuân Đạt	05/03/2006	CCQ2517B	0	0	0		0	
7	2125170069	Trần Anh Dũng	08/04/2007	CCQ2517B	10	7	7		7.8	
8	2125170028	Lê Võ Đức Dương	21/04/2007	CCQ2517A	0	0	0		0	
9	2125170070	Nguyễn Khánh Duy	04/08/2007	CCQ2517B	10	8.5	8		8.6	
10	2125170031	Trần Thị Thắm	25/05/2007	CCQ2517A	10	6	6		7	
11	2125170032	Hoàng Minh Hải	05/09/2007	CCQ2517A	7	6	7		6.8	
12	2125170304	Lê Hoàng Anh Hào	04/02/2005	CCQ2517A	2	7.5	7.5		6.1	
13	2125170071	Nguyễn Văn Hậu	05/10/2007	CCQ2517B	5	7	7		6.5	
14	2125170074	Trần Hữu Hoà	09/12/2007	CCQ2517B	1	8	8		6.3	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1(x1)	BP. 2(x1)	BP. 3(x2)	BP. 4	ĐQT	Ghi chú
15	2125170010	Nguyễn Xuân	Hoàng	23/01/2007	CCQ2517A	0	0	0		0	
16	2125170313	Đỗ Quang	Huy	31/01/2007	CCQ2517B	0	0	0		0	
17	2125170306	Nguyễn Anh	Huy	29/10/2007	CCQ2517A	9	7	6.5		7.3	
18	2125170022	Phạm Gia	Huy	05/09/2006	CCQ2517A	3	6.5	7.5		6.1	
19	2125170007	Trần Thanh	Huy	18/04/2007	CCQ2517A	7	7	6.5		6.8	
20	2125170019	Trần Văn	Huy	14/11/2007	CCQ2517A	2	7.5	8		6.4	
21	2125170078	Nguyễn Văn	Khá	26/03/2007	CCQ2517B	9	7.5	7		7.6	
22	2125170072	Lâm Tấn	Lộc	30/03/2007	CCQ2517B	4	6.5	7		6.1	
23	2125170036	Đặng Khánh	Minh	22/05/2007	CCQ2517A	10	6.5	7.5		7.9	
24	2125170016	Lê Nguyễn Nhật	Nam	27/06/2007	CCQ2517A	0	0	0		0	
25	2125170058	Lê Trần	Nguyên	25/08/2007	CCQ2517B	0	0	0		0	
26	2125170015	Nguyễn Trung	Nguyên	08/05/2007	CCQ2517A	1	7.5	7		5.6	
27	2125170035	Bùi Thành	Nhân	23/06/2006	CCQ2517A	10	7	5		6.8	
28	2125170021	Châu Thành	Phát	23/08/2007	CCQ2517A	0	0	0		0	
29	2125030137	Lê Hữu	Phát	20/11/2007	CCQ2503D	9	8	9		8.8	
30	2125170068	Lê Đoàn Thiên	Phong	15/01/2007	CCQ2517B	10	6.5	7.5		7.9	
31	2125170023	Mai Thiên	Phúc	24/04/2007	CCQ2517A	10	7.5	7.5		8.1	
32	2125170004	Đào Minh	Quân	19/11/2007	CCQ2517A	1	7	7		5.5	
33	2125170006	Nguyễn Trần	Quang	24/02/2005	CCQ2517A	0	0	0		0	

ST T	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1(x1)	BP. 2(x1)	BP. 3(x2)	BP. 4	ĐQT	Ghi chú
34	2125170075	Lê Hải Sang	21/11/2007	CCQ2517B	0	0	0		0	
35	2125170005	Phạm Văn Sơn	16/04/2006	CCQ2517A	9	6	6		6.8	
36	2125170062	Trần Văn Sơn	17/07/2007	CCQ2517B	8	7	6.5		7	
37	2125170311	Trần Ánh Sương	07/03/2007	CCQ2517B	7	8.5	8		7.9	
38	2125170025	Nguyễn Tài	24/08/2007	CCQ2517A	5	7	6		6	
39	2125170043	Thiều Vĩnh Tân	18/11/2007	CCQ2517B	0	0	0		0	
40	2125170024	Nguyễn Tấn	24/08/2007	CCQ2517A	5	7.5	7.5		6.9	
41	2125170066	Huỳnh Minh Thanh	16/10/2007	CCQ2517B	7	7.5	7		7.1	
42	2125170040	Nguyễn Đình Thanh	23/10/2006	CCQ2517A	0	0	0		0	
43	2125170067	Phạm Vũ Thành	22/02/2007	CCQ2517B	1	8	8		6.3	
44	2125170037	Châu Minh Thuận	02/11/2007	CCQ2517A	10	7	7.5		8	
45	2125170030	Lại Hiếu Thuận	14/01/2007	CCQ2517A	10	7	7.5		8	
46	2125170002	Phạm Minh Thuận	31/08/2005	CCQ2517A	6	7.5	7.5		7.1	
47	2124140008	Nguyễn Đình Tiên	12/01/2006	CCQ2414A	4	7.5	7.5		6.6	
48	2125170308	Nguyễn Minh Tiền	12/06/2005	CCQ2517A	3	7.5	7.5		6.4	
49	2125170029	Lê Hải Triều	01/12/2006	CCQ2517A	0	0	0		0	
50	2125170039	Phan Thanh Trọn	19/02/2007	CCQ2517A	6	7.5	7.5		7.1	
51	2125170012	Nguyễn Thanh Tú	08/09/2007	CCQ2517B	7	7.5	7.5		7.4	

TPHCM, ngày 21 tháng 6 năm 2026


Lương Anh Kiệt

DANH SÁCH ĐIỂM THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 25-26

Môn học
CBGD

Bóng chuyền
Lương Anh Kiệt

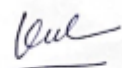
Nhóm: 01

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
23401701	1	2125170001	Vương Sỹ	An	26/10/2006	CCQ2517A	6.4	5	5.6	
23401701	2	2125170034	Tăng Văn	Ban	13/04/2007	CCQ2517A	7	4	5.2	
23401701	3	2125170033	Nguyễn Quốc	Bảo	21/02/2007	CCQ2517A	6.5	4	5	
23401701	4	2125170018	Nguyễn Dương Công	Chiến	22/11/2007	CCQ2517A	7.5	4	5.4	
23401701	5	2125170038	Phùng Ngọc	Chung	05/09/2007	CCQ2517A	8.1	5	6.2	
23401701	6	2125170061	Hồ Xuân	Đạt	05/03/2006	CCQ2517B	0	0	0	
23401701	7	2125170069	Trần Anh	Dũng	08/04/2007	CCQ2517B	7.8	4	5.5	
23401701	8	2125170028	Lê Võ Đức	Dương	21/04/2007	CCQ2517A	0	0	0	
23401701	9	2125170070	Nguyễn Khánh	Duy	04/08/2007	CCQ2517B	8.6	6	7	
23401701	10	2125170031	Trần Thị Thắm	Duy	25/05/2007	CCQ2517A	7	4	5.2	
23401701	11	2125170032	Hoàng Minh	Hải	05/09/2007	CCQ2517A	6.8	4	5.1	
23401701	12	2125170304	Lê Hoàng Anh	Hào	04/02/2005	CCQ2517A	6.1	4	4.8	
23401701	13	2125170071	Nguyễn Văn	Hậu	05/10/2007	CCQ2517B	6.5	4	5	
23401701	14	2125170074	Trần Hữu	Hoà	09/12/2007	CCQ2517B	6.3	1	3.1	
23401701	15	2125170010	Nguyễn Xuân	Hoàng	23/01/2007	CCQ2517A	0	0	0	

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
23401701	16	2125170313	Đỗ Quang	Huy	31/01/2007	CCQ2517B	0	0	0	
23401701	17	2125170306	Nguyễn Anh	Huy	29/10/2007	CCQ2517A	7.3	5	5.9	
23401701	18	2125170022	Phạm Gia	Huy	05/09/2006	CCQ2517A	6.1	8	7.2	
23401701	19	2125170007	Trần Thanh	Huy	18/04/2007	CCQ2517A	6.8	6	6.3	
23401701	20	2125170019	Trần Văn	Huy	14/11/2007	CCQ2517A	6.4	6	6.2	
23401701	21	2125170078	Nguyễn Văn	Khá	26/03/2007	CCQ2517B	7.6	5	6	
23401701	22	2125170072	Lâm Tấn	Lộc	30/03/2007	CCQ2517B	6.1	9	7.8	
23401701	23	2125170036	Đặng Khánh	Minh	22/05/2007	CCQ2517A	7.9	4	5.6	
23401701	24	2125170016	Lê Nguyễn Nhật	Nam	27/06/2007	CCQ2517A	0	0	0	
23401701	25	2125170058	Lê Trần	Nguyên	25/08/2007	CCQ2517B	0	0	0	
23401701	26	2125170015	Nguyễn Trung	Nguyên	08/05/2007	CCQ2517A	5.6	7	6.4	
23401701	27	2125170035	Bùi Thành	Nhân	23/06/2006	CCQ2517A	6.8	5	5.7	
23401701	28	2125170021	Châu Thành	Phát	23/08/2007	CCQ2517A	0	0	0	
23401701	29	2125030137	Lê Hữu	Phát	20/11/2007	CCQ2503D	8.8	9	8.9	
23401701	30	2125170068	Lê Đoàn Thiên	Phong	15/01/2007	CCQ2517B	7.9	4	5.6	
23401701	31	2125170023	Mai Thiên	Phúc	24/04/2007	CCQ2517A	8.1	9	8.6	
23401701	32	2125170004	Đào Minh	Quân	19/11/2007	CCQ2517A	5.5	5	5.2	
23401701	33	2125170006	Nguyễn Trần	Quang	24/02/2005	CCQ2517A	0	0	0	
23401701	34	2125170075	Lê Hải	Sang	21/11/2007	CCQ2517B	0	0	0	

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
23401701	35	2125170005	Phạm Văn	Sơn	16/04/2006	CCQ2517A	6.8	8	7.5	
23401701	36	2125170062	Trần Văn	Sơn	17/07/2007	CCQ2517B	7	8	7.6	
23401701	37	2125170311	Trần Ánh	Sương	07/03/2007	CCQ2517B	7.9	7	7.4	
23401701	38	2125170025	Nguyễn	Tài	24/08/2007	CCQ2517A	6	7	6.6	
23401701	39	2125170043	Thiều Vĩnh	Tân	18/11/2007	CCQ2517B	0	0	0	
23401701	40	2125170024	Nguyễn	Tấn	24/08/2007	CCQ2517A	6.9	8	7.6	
23401701	41	2125170066	Huỳnh Minh	Thanh	16/10/2007	CCQ2517B	7.1	6	6.4	
23401701	42	2125170040	Nguyễn Đình	Thanh	23/10/2006	CCQ2517A	0	0	0	
23401701	43	2125170067	Phạm Vũ	Thành	22/02/2007	CCQ2517B	6.3	7	6.7	
23401701	44	2125170037	Châu Minh	Thuận	02/11/2007	CCQ2517A	8	4	5.6	
23401701	45	2125170030	Lại Hiếu	Thuận	14/01/2007	CCQ2517A	8	4	5.6	
23401701	46	2125170002	Phạm Minh	Thuận	31/08/2005	CCQ2517A	7.1	5	5.8	
23401701	47	2124140008	Nguyễn Đình	Tiền	12/01/2006	CCQ2414A	6.6	5	5.6	
23401701	48	2125170308	Nguyễn Minh	Tiền	12/06/2005	CCQ2517A	6.4	6	6.2	
23401701	49	2125170029	Lê Hải	Triều	01/12/2006	CCQ2517A	0	0	0	
23401701	50	2125170039	Phan Thanh	Trộn	19/02/2007	CCQ2517A	7.1	7	7	
23401701	51	2125170012	Nguyễn Thanh	Tú	08/09/2007	CCQ2517B	7.4	6	6.6	

TPHCM, ngày 10 tháng 07 năm 2026


Lương Anh Kiệt